

DANH SÁCH LỚP 10A4 - NĂM HỌC 2026 - 2027 (Lớp Chọn tổ hợp 1)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
1	Vũ Trung	An	16-08-2011	25.00	8.25	3.5	6.50	18.25	43.25	10A4
2	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	15-05-2011	23.75	6.75	2.25	4.25	13.25	37.00	10A4
3	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	18-12-2011	23.25	8	3	6.50	17.5	40.75	10A4
4	Tô Thị Lan	Anh	10-08-2011	23.00	4.75	4	6.50	15.25	38.25	10A4
5	Hoàng Gia	Bảo	19-09-2011	26.00	9	5.5	7.75	22.25	48.25	10A4
6	Hoàng Gia	Bảo	04-06-2011	23.25	8.25	6.5	6.75	21.5	44.75	10A4
7	Lương Công Gia	Bảo	11-01-2011	24.00	7.25	4.5	5.25	17	41.00	10A4
8	Nguyễn Trí	Bảo	16-09-2011	24.50	5.5	3.75	5.75	15	39.50	10A4
9	Trương Tấn	Đạt	02-10-2011	26.50	9.25	8.5	8.25	26	52.50	10A4
10	Nguyễn Thanh	Dung	24-04-2011	25.00	7	4.25	7.25	18.5	43.50	10A4
11	Tạ Khánh	Dung	12-11-2011	23.50	4.5	5	6.25	15.75	39.25	10A4
12	Lê Anh	Dũng	24-10-2011	24.75	9.5	6.5	8.25	24.25	49.00	10A4
13	Vũ Thiện	Duy	04-07-2011	21.25	8.75	6	6.25	21	42.25	10A4
14	Hồ Thị Hồng	Hà	14-04-2011	21.00	7.25	4.5	7.75	19.5	40.50	10A4
15	Trần Ngọc Gia	Hân	01-10-2011	23.75	6.5	4.5	4.25	15.25	39.00	10A4
16	Nguyễn Hồ Bảo	Hân	03-12-2011	23.25	5	4	6.50	15.5	38.75	10A4
17	Nguyễn Thị Ngọc	Hậu	06-11-2011	23.75	3.75	3	8.75	15.5	39.25	10A4
18	Nguyễn Văn	Hiếu	27-01-2011	24.50	4.25	5.75	7.25	17.25	41.75	10A4
19	Lê Khánh	Huyền	05-11-2011	23.50	6.5	4.5	3.50	14.5	38.00	10A4
20	Nguyễn Khánh	Huyền	06-07-2011	22.00	6.5	1.5	7.00	15	37.00	10A4
21	Đoàn Thị Ngọc	Khánh	28-06-2011	25.50	8.5	4.75	8.75	22	47.50	10A4
22	Dương Anh	Khoa	17-01-2011	23.50	7.5	6	7.50	21	44.50	10A4
23	Hoàng Phi	Long	24-05-2011	21.00	5.5	4	6.50	16	37.00	10A4
24	Nguyễn Thành	Long	13-03-2011	23.75	7.25	7	8.25	22.5	46.25	10A4
25	Trần Hữu	Luân	13-11-2011	25.25	8.5	6	8.00	22.5	47.75	10A4
26	Nguyễn Quang	Minh	06-04-2011	23.50	8.5	2	5.25	15.75	39.25	10A4
27	Lê Tuấn	Minh	16-11-2011	23.75	3	5	4.00	12	35.75	10A4
28	Vũ Hoài	Nam	20-12-2011	22.50	8.5	4.5	6.75	19.75	42.25	10A4
29	Triệu Bảo	Ngân	29-11-2011	21.00	8.25	4.5	5	17.75	38.75	10A4
30	Hồ Bích	Ngọc	30-08-2011	21.75	6.25	5	4.75	16	37.75	10A4
31	Lê Huỳnh Tấn	Nguyễn	17-02-2011	21.00	6.75	5.5	8.5	20.75	41.75	10A4

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	Tổng KS		
32	Đinh Ngọc Uyên	Nhi	16-10-2011	24.00	6	6.5	7.75	20.25	44.25	10A4
33	Nguyễn Quách Gia	Nhuận	28-12-2011	21.75	7	6	6.5	19.5	41.25	10A4
34	Nguyễn Tiến	Phát	02-08-2011	23.00	4.25	4.5	7.5	16.25	39.25	10A4
35	Vũ Thanh	Phong	10-04-2011	22.75	4	3	7.5	14.5	37.25	10A4
36	Trần Văn Gia	Phúc	30-07-2011	25.50	8.25	6.5	4.5	19.25	44.75	10A4
37	Trịnh Hưng	Phúc	19-12-2011	21.00	2.75	6	7.25	16	37.00	10A4
38	Trần Vũ Nhã	Phương	22-10-2011	23.75	7	4.5	8	19.5	43.25	10A4
39	Vũ Minh	Quang	05-05-2011	23.75	5.25	4	6.5	15.75	39.50	10A4
40	Nguyễn Ngọc Bảo	Quyên	02-09-2011	24.25	6	4	8	18	42.25	10A4
41	Phạm Như	Quỳnh	07-08-2011	20.50	7.5	3	7.25	17.75	38.25	10A4
42	Phạm Thị Mai	Thanh	24-03-2011	24.50	7.25	7	6.75	21	45.50	10A4
43	Lê	Thành	24-11-2011	20.25	6.75	4.5	6	17.25	37.50	10A4
44	Phạm Thị Mai	Trang	31-03-2011	23.75	6	4.5	8.5	19	42.75	10A4
45	Nguyễn Tấn	Trung	19-11-2011	22.75	7.5	5.5	4.5	17.5	40.25	10A4
46	Trần Văn	Tuấn	11-08-2011	22.25	7	4	5.5	16.5	38.75	10A4
47	Phạm Tiến	Dũng	HÒA NHẬP							10A4